

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11525/2025/PKQ (25.9462)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

- Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
- Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.9462.KT.01	Hệ thống xử lý bụi (Nguồn số 52) - CS 60000 m ³ /h	X=1184357, Y=407986
25.9462.KT.02	Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dầu coumarone (nguồn số 53) sợi viên 2 (CS 9.000 m ³ /h)	X=1184357, Y=407989
25.9462.KT.03	Hệ thống xử lý hơi hóa chất xử lý chung (Nguồn số 54,55,56,57) - CS 18000 m ³ /h	X=1184357, Y=407989

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 02/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 16/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9462. KT.01	25.9462. KT.02	C _{max} ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	31.603	7.755	-	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	38	-	128	-
3	Xylene (-m;-o;-p) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	KPH (MDL=0,2)	-	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.9462.KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	KPH (MDL=0,15)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	10.642	-
3	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	<1,88	544
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	<2,62	320
5	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	<3	32

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

"-": Không quy định

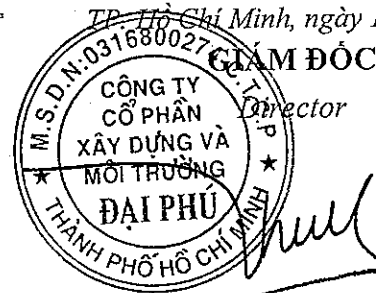
4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 00137/2026/PKQ (25.10455)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
- Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
- Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.10455.KT.01	Xử lý Hơi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi viên 1 khu vực 1 (Nguồn số 39) - CS 30000 m ³ /h	X=1184343, Y=407971
25.10455.KT.02	Xử lý Hơi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi viên 1 khu vực 2 (Nguồn số 40,50) - CS 66000 m ³ /h	X=1184345, Y=407976
25.10455.KT.03	01 ống thoát khí thải sau 02 Hệ thống xử lý hơi hóa chất cho khu vực mạ chung của xưởng sản xuất sợi thép thoát chung 01 ống thải (Nguồn số 41,42,43,44,45,46,47,48,49) - CS 124800 m ³ /h	X=1184349, Y=407976

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 24/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 08/01/2026

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ <i>No.</i>	Thông số/ <i>Parameters</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Phương pháp thử nghiệm/ <i>Testing methods</i>	Kết quả/ <i>Testing result</i>			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.10455. KT.01	25.10455. KT.02	25.10455. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	KPH (MDL=0,15)	KPH (MDL=0,15)	KPH (MDL=0,15)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	24.040	54.515	65.077	-
3	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	32

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamatmoitruong.com.vn



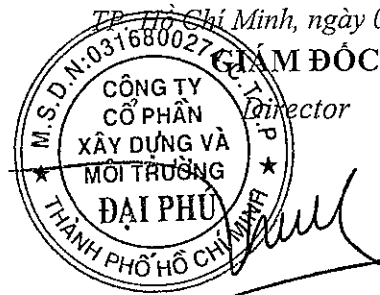
Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

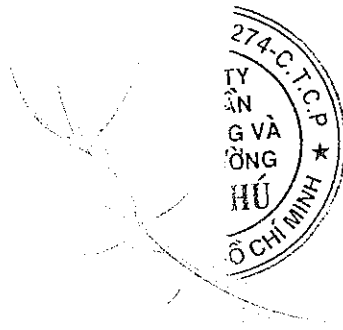
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THÚY

ĐP





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamساتmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com



Mã số/ Ref. No: 11533/2025/PKQ (25.10053)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2,
KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.10053.KT.01	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình kéo sợi viên 1- khu vực 1 (Nguồn số 34) - CS 48000 m ³ /h	X=1184334, Y=407960
25.10053.KT.02	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình kéo sợi viên 1- khu vực 2 (Nguồn số 35) - CS 60000 m ³ /h	X=1184338, Y=407967
25.10053.KT.03	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình sáng bụi sumax tái sử dụng (Nguồn số 36) - CS 18418 m ³ /h	X=1184331, Y=407962
25.10053.KT.06	Hệ thống xử lý hơi dầu coumaron của xưởng sản xuất sợi viên 1 (Nguồn số 51) CS 4.200 m ³ /h	X=1184345, Y=407974

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 16/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 25/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/BTNMT
				25.10053. KT.01	25.10053. KT.02	25.10053. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	28.023	37.908	9.934	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	35	29	24	128

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.10053.KT.06	Nồng độ tối đa ⁽²⁾ .
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	3.214	-
2	Xylene (-m;-o;-p) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo).
Website: giamساتmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com



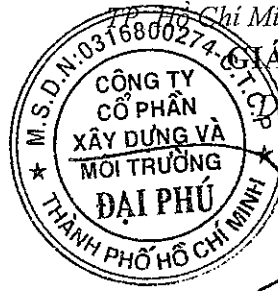
Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



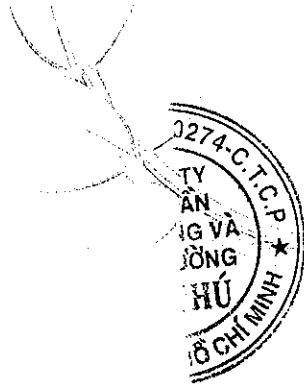
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY

ĐP



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 00138/2026/PKQ (25.10459)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

- Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
- Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.10459.KT.01	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình kéo sợi thép (Nguồn số 33) - CS 48000 m3/h	X=1184336, Y=407966
25.10459.KT.02	Xử lý Hoi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi thép 1 (Nguồn số 37) - CS 30000 m3/h	X=1184338, Y=407969
25.10459.KT.03	Xử lý Hoi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi thép 2 (Nguồn số 38) - CS 66000 m3/h	X=1184338, Y=407969

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 25/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 07/01/2026

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/BTNMT
				25.10459. KT.01	25.10459. KT.02	25.10459. KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	-	KPH (MDL=0,15)	KPH (MDL=0,15)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	24.200	20.750	35.188	-
3	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	46	-	-	128
4	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	32

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

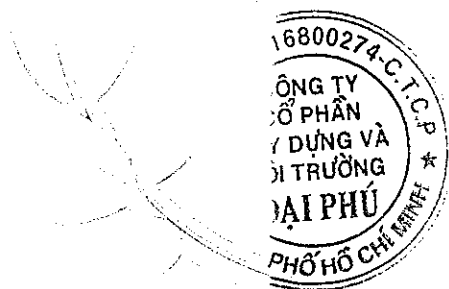
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

ĐP



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giam-sat-moi-truong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11537/2025/PKQ (25.10401)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

- Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
- Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinates
25.10401.KT.01	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 4 (Nguồn số 25) CS 21.000 m ³ /h	X=1183849, Y=408089
25.10401.KT.02	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 5 (Nguồn số 26) CS 21.000 m ³ /h	X=1183849, Y=408081
25.10401.KT.03	Hệ thống xử lý Bụi từ công đoạn bắn sợi 1 (Nguồn số 30) - CS 9000 m ³ /h	X=1183848, Y=408081
25.10401.KT.04	Hệ thống xử lý Bụi từ công đoạn bắn sợi 2 (Nguồn số 31) - CS 9000 m ³ /h	X=1183853, Y=408084
25.10401.KT.05	Hệ thống xử lý Bụi từ công đoạn bắn sợi 3 (Nguồn số 32) - CS 9000 m ³ /h	X=1183857, Y=408088

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 19/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 30/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 20:2009/BTNMT Nồng độ tối đa ⁽²⁾
				25.10401. KT.01	25.10401. KT.02	
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	12.551	10.616	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.10401. KT.03	25.10401. KT.04	25.10401. KT.05	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	1.367	3.880	2.104	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	66	72	128	128

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị (đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

ĐP



Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 11534/2025/PKQ (25.10057)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ *Client's Name*: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu/ *Type of sample*: Khí thải
- Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.10057.KT.01	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 1 (Nguồn số 22) - CS 21000 m ³ /h	X=1183841, Y=408082
25.10057.KT.02	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 2 (Nguồn số 23) - CS 21000 m ³ /h	X=1183843, Y=408084
25.10057.KT.03	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 3 (Nguồn số 24) - CS 21000 m ³ /h	X=1183845, Y=408087
25.10057.KT.04	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 6 (Nguồn số 27) CS 21.000 m ³ /h	X=1183855, Y=408088
25.10057.KT.05	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 7 (Nguồn số 28) CS 30.000 m ³ /h	X=1183854, Y=408086
25.10057.KT.06	Hệ thống xử lý Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 8 (Nguồn số 29) CS 36.000 m ³ /h	X=1183857, Y=408089

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 15/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 27/12/2025

7. Bảng kết quả/ *Results table*

- Bảng 1/ *Table 1*:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ <i>Testing result</i>			QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.10057. KT.01	25.10057. KT.02	25.10057. KT.03	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	11.953	12.450	13.247	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.10057. KT.04	25.10057. KT.05	25.10057. KT.06	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	13.499	13.422	15.764	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

Chú thích/ Remarks:

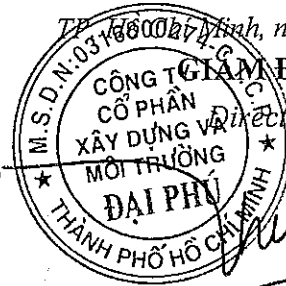
- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

ĐP



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11526/2025/PKQ (25.9464)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.9464.KT.01	Ổng thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất tại khu vực trùng hợp của xưởng Spandex (nguồn số 06) (CS: 10.000 m ³ /h)	X=1183866 Y=0408396
25.9464.KT.02	Ổng thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất tại khu vực trùng hợp của xưởng Spandex (nguồn số 07) (CS: 10.000 m ³ /h)	X=1183863, Y=0408388
25.9464.KT.03	Ổng thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất tại khu vực trùng hợp của xưởng Spandex (nguồn số 08) (CS: 10.000 m ³ /h)	X=1183857, Y=0408380
25.9464.KT.04	Ổng thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất tại khu vực trùng hợp của xưởng Spandex (nguồn số 09) (CS: 10.000 m ³ /h)	X=1183857, Y=408373

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 02/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 16/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9464. KT.01	25.9464. KT.02	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	6.252	6.959	-
2	Diethylamine ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	75
3	Ethylenediamine ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	30

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐAI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
 Website: daiphuenvironment.com or giamatmoitruong.com.vn



• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 20:2009/BTNMT
				25.9464. KT.03	25.9464. KT.04	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	7.166	6.230	-
2	Diethylamine ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	75
3	Ethylenediamine ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	30

Chú thích/ Remarks:

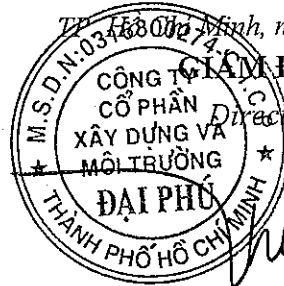
- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
 "-": Không quy định
- (1): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- (2): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

ĐP



ĐOÀN THỊ THỦY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtداiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11524/2025/PKQ (25.9379)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2,
KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.9379.KT.01	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 01 (Nguồn số 10) - CS 69000 m ³ /h	X=1183913, Y=408081
25.9379.KT.02	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 02 (Nguồn số 11) - CS 69000 m ³ /h	X=1183887, Y=408085
25.9379.KT.03	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 03 (Nguồn số 12) - CS 69000 m ³ /h	X=1183873, Y=408088
25.9379.KT.04	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 04 (Nguồn số 13) - CS 69000 m ³ /h	X=1183850, Y=408094
25.9379.KT.05	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 05 (Nguồn số 14) - CS 42000 m ³ /h	X=1183919, Y=408077
25.9379.KT.06	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 06 (Nguồn số 15) - CS 42000 m ³ /h	X=1183899, Y=408084
25.9379.KT.07	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 07 (Nguồn số 16) - CS 42000 m ³ /h	X=1183878, Y=408090
25.9379.KT.08	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 08 (Nguồn số 17) - CS 42000 m ³ /h	X=1183859, Y=408091
25.9379.KT.09	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 01 (Nguồn số 18) - CS 7200 m ³ /h	X=1183850, Y=408094
25.9379.KT.10	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 02 (Nguồn số 19) - CS 7300 m ³ /h	X=1183853, Y=408098
25.9379.KT.11	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 03 (Nguồn số 20) - CS 7300 m ³ /h	X=1183858, Y=408090
25.9379.KT.12	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 04 (Nguồn số 21) - CS 7300 m ³ /h	X=1183855, Y=408095

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 01/12/20251. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test reports are valid only for the sample*2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of company*

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 17/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• **Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.9379. KT.01	25.9379. KT.02	25.9379. KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	36.090	37.009	37.024	-

• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.9379. KT.04	25.9379. KT.05	25.9379. KT.06	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	35.909	22.718	22.183	-

• **Bảng 3/ Table 3:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.9379. KT.07	25.9379. KT.08	25.9379. KT.09	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	22.990	21.268	3.668	-

• **Bảng 4/ Table 4:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.9379. KT.10	25.9379. KT.11	25.9379. KT.12	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	5.091	4.328	5.169	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



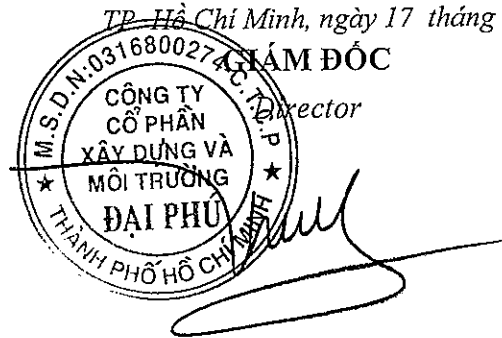
Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

ĐP





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0796-25-KT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 10 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HS HYOSUNG VIỆT NAM – XƯỜNG 1
3. Địa chỉ : Đường N2, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 08/10/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 08/10/2025 – 15/10/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống khói lò dầu tải nhiệt (X = 118 3919; Y = 408 066) (081025-06 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT,cột B (Kv=0,8; Kp=0,8)
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA 02	m ³ /h	66.379	-
2	Áp suất ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	hPa	1009,9	-
3	Nhiệt độ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	°C	90	-
4	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA 05	mg/Nm ³	60,4	128
5	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	206	640
6	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	118	544
7	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	<1	320

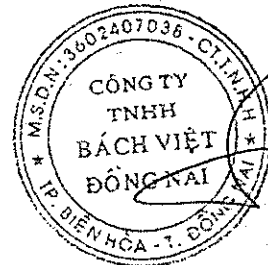
Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 Mã số thuế: 3602407038 Điện thoại: (0251).8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0795-25-KT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 10 năm 2025

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HS HYOSUNG VIỆT NAM
- Địa chỉ : Đường N2, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 08/10/2025, trời nắng
- Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
- Thời gian thử nghiệm : 08/10/2025 – 15/10/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Khí thải chung sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 30 tấn/giờ và hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi 20 tấn/giờ (X=118 3792; Y=408 469) (081025-05 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT,cột B (Kv=0,8; Kp=0,8)
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA 02	m ³ /h	79.377	-
2	Áp suất ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	hPa	1009,1	-
3	Nhiệt độ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	°C	62	-
4	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA 05	mg/Nm ³	70,2	128
5	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	104	640
6	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	95	544
7	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	<1	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
 (1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VŨ LÊ DUY KHÁNH